|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN AN LÃO  **TRƯỜNG MẦM NON TÂN DÂN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Tân Dân, ngày tháng năm 2024* |

**BIỂU ĐIỂM**

**Chấm thiết kế môi trường giáo dục cho trẻ hoạt động. Năm học 2024 – 2025**

**Lớp:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Tiêu chí** | **Điểm thành phần** | **Điểm đạt** |
| 1 | - Các trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi đủ, đảm bảo yêu cầu an toàn vệ sinh, sắp xếp đồ dùng đồ chơi gọn gàng trẻ dễ lấy, dễ thật, dễ cất, thuận tiện cho việc quản lý và sử dụng xuyên suốt trong năm học | 2 |  |
| 2 | - Phân chia không gian và vị trí các khu vực phù hợp với diện tích, vị trí của lớp | 1 |  |
| 3 | - Trang trí phòng lớp đảm bảo thẩm mỹ, thân thiện phù hợp với lứa tuổi, trang trí theo hướng mở (không gắn dán chết trên tường) | 4 |  |
| 4 | - Tranh ảnh, biểu bảng treo/ dán ngang tầm mắt của trẻ màu sắc hài hòa không quá rực rỡ. | 2 |  |
| 5 | - Có sử dụng tranh ảnh là sản phẩm của cô và trẻ trong quá trình triển khai các chủ đề. | 2 |  |
| 6 | - Chữ viết theo đúng mẫu qui định. Đỗi với MG 5 tuổi ưu tiên môi trường chữ số và Tiếng Việt | 2 |  |
| 7 | - Số lượng các góc phù hợp diện tích phòng, số lượng trẻ và chủ đề (Kế hoạch giáo dục) đang tiến hành. | 2 |  |
| 8 | - Bố trí các góc hoạt động hợp lý. Góc hoạt động cần yên tĩnh bố trí xa các góc hoạt động ồn ào, góc thư viện/ sử dụng sách tranh ở nơi nhiều ánh sáng. Sắp xếp các góc để giáo viên có thể dễ dàng quan sát/ giám sát được toàn bộ hoạt động của trẻ . | 2 |  |
| 9 | - Các góc hoạt động có "ranh giới" rõ ràng, có lối đi cho trẻ di chuyển thuận tiện khi liên kết giữa các góc chơi. Các góc chơi dễ dàng sắp xếp lại tùy theo yêu cầu hoạt động của trẻ. | 2 |  |
| 10 | - Đặt tên góc chơi hoặc ký hiệu các góc đơn giản, gần gũi với trẻ được viết theo đúng qui định mẫu chữ hiện hành. | 4 |  |
| 11 | - Có nguyên vật liệu mang tình mở (lá cây, hột hạt…) sản phẩm hoàn thiện, sản phẩm chưa hoàn thiện. Có sản phẩm mua sẵn, sản phẩm cô và trẻ tự làm, sản phẩm của địa phương đặc trưng văn hóa vùng miền | 4 |  |
| 12 | - Đồ dùng, đồ chơi nguyên vật liệu, học liệu có giá đựng, ngăn nắp gọn gàng để ở nơi trẻ dễ thấy, dễ lấy, dễ dùng và dễ cất được thay đổi và bổ xung phù hợp với mục tiêu chủ đề / HĐ và hứng thú của trẻ | 6 |  |
| 13 | - Bảng tuyên truyền của lớp được trang trí đẹp phù hợp với lứa tuổi nội dung tuyên truyền phong phú đa dạng chữ viết theo đúng mẫu chữ quy định | 4 |  |
| 14 | - Lựa chọn góc chơi, nội dung hoạt động trong các góc phù hợp, phong phú đa dạng với nhu cầu, khả năng của trẻ nhằm đạt mục tiêu và yêu cầu giáo dục của chủ đề | 4 |  |
| 15 | - Các nội dung chơi thiết kế cho trẻ sử dụng, dễ thay đổi theo chủ đề khoa học, thuận tiện cho trẻ dễ thấy, dễ lấy, dễ dùng và dễ cất | 6 |  |
| 16 | Khuyến khích trang trí, tạo môi trường theo hướng áp dụng phương pháp giáo dục steam |  |  |
| **TỔNG ĐIỂM** | | 50 |  |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Đánh giá xếp loại   |  | | --- | | Từ 45->50 điểm xếp loại Xuất sắc | | Từ 40->44 điểm xếp loại Tốt | | Từ 35 -> 39 điểm xếp loại Khá | | Dưới 35 điểm xếp loại Trung bình | | **XẾP LOẠI**:........................  **Giám khảo** |

|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN AN LÃO  **TRƯỜNG MẦM NON TÂN DÂN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Tân Dân, ngày tháng năm 2024* |

**BIỂU ĐIỂM**

**Chấm trang trí lớp, tạo môi trường cho trẻ hoạt động. Năm học 2024 – 2025**

**Lớp: (NT)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Tiêu chí** | **Điểm thành phần** | **Điểm đạt** |
| 1 | - Các trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi đủ, đảm bảo yêu cầu an toàn vệ sinh | 1 |  |
| 2 | - Đồ dùng đồ chơi, học liệu có giá đựng ngăn nắp gọn gàng, để nơi trẻ dễ thấy, dễ lấy, dễ dùng và dễ cất | 1 |  |
| 3 | - Phân chia không gian và vị trí cácgóc chơi phù hợp với diện tích, vị trí cửa ra vào, cửa sổ….. | 1 |  |
| 4 | - Chữ viết to theo đúng mẫu chữ qui định | 2 |  |
| 5 | - Trang trí phòng lớp đảm bảo thẩm mỹ, thân thiện phù hợp với lứa tuổi, trang trí theo hướng mở (không gắn dán chết trên tường) | 4 |  |
| 6 | - Tranh ảnh, biểu bảng treo/ dán ngang tầm mắt của trẻ, màu sắc hài hòa không quá rực rỡ. | 3 |  |
| 7 | - Hình ảnh trang trí có các chi tiết to, rõ ràng, màu sắc tươi sáng. Trên một hình ảnh không có quá nhiều chi tiết . Các hình trang trí đơn giản, ngộ nghĩnh đáng yêu, có điểm nhấn, có khoảng trống | 5 |  |
| 8 | - Các góc hoạt động trong lớp được xác định rõ ràng (4 góc chơi chính, góc vận động, góc thao tác vai, góc hoạt động với đồ vật, góc nghệ thuật) | 2 |  |
| 9 | - Số lượng các góc phù hợp với diện tích phòng học, số lượng và lứa tuổi trẻ, kế hoạch giáo dục đang tiến hành. Các góc có độ rộng vừa phải, tạo sự ấm cúng, cảm giác an toàn cho trẻ, tạo điều kiện cho trẻ hoạt động cá nhân hoặc theo nhóm nhỏ (2-4 trẻ/ nhóm) | 2 |  |
| 10 | - Bố trí các góc hoạt động hợp lí, có "ranh giới" rõ ràng, các góc dễ dàng sắp xếp lại tùy theo yêu cầu hoạt động của trẻ. | 3 |  |
| 11 | - Đặt tên góc hoặc ký hiệu các góc đơn giản, gần gũi dễ hiểu với trẻ, viết theo đúng qui định mẫu chữ hiện hành | 2 |  |
| 12 | - Sắp xếp các góc để giáo viên có thể quan sát/ giám sát được toàn bộ hoạt động của trẻ. | 2 |  |
| 13 | - Có đủ đồ dùng, đồ chơi thiết bị học liệu theo qui định . Mỗi đồ dùng đồ chơi phù hợp với thể chất và tâm lý của độ tuổi, đảm bảo mục đích giáo dục trẻ | 2 |  |
| 14 | - Đồ dùng đồ chơi đa dạng về chủng loại, chất liệu, hình dáng, tư thế hoạt động, âm thanh; màu sắc rõ nét (chủ yếu 3-4 màu cơ bản) | 2 |  |
| 15 | - Số lượng ĐDĐC cùng một loại đủ phục vụ cho trẻ chơi theo cá nhân, chơi cạnh nhau | 2 |  |
| 16 | - Đồ dùng, đồ chơi có các chi tiết to, rõ màu sắc đẹp , có độ bền cao, có kích thước vừa tay cầm của trẻ | 2 |  |
| 17 | - Có sản phẩm mua sẵn, có sản phẩm cô tự làm hoặc sưu tầm, sản phẩm của địa phương đặc trưng văn hóa vùng miền | 2 |  |
| 18 | - Bảng tuyên truyền của lớp được trang trí đẹp, phù hợp với lứa tuổi, nội dung tuyên truyền phong phú đa dạng, chữ viết theo đúng mẫu chữ qui định | 4 |  |
| 19 | - Các nội dung chơi thiết kế cho trẻ dễ sử dụng, dễ thay đổi theo chủ đề, khoa học, thuận tiện cho trẻ dễ thấy, dễ lấy, dễ dùng và dễ cất | 4 |  |
| 20 | - Lựa chọn góc chơi, nội dung hoạt động trong các góc phù hợp, phong phú, đa dạng với nhu cầu, khả năng của trẻ nhằm đạt mục tiêu và yêu cầu giáo dục của chủ đề | 4 |  |
| **TỔNG ĐIỂM** | | 50 |  |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Đánh giá xếp loại   |  | | --- | | Từ 45->50 điểm xếp loại Xuất sắc | | Từ 40->44 điểm xếp loại Tốt | | Từ 35 -> 39 điểm xếp loại Khá | | Dưới 35 điểm xếp loại Trung bình | | **XẾP LOẠI**:........................  **Giám khảo** |